

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2022/DS-ST.

Ngày: 27/9/2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Hương Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Miện

Ông Bùi Thế Hanh

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên toà: Ông Lê Đình Duy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27/9/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 174/2022/TLST- DS ngày 22/8/2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2022/QĐXXST-DS ngày 07/9/2022 của tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: thôn Ng, xã Ng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Mẫn Xuân H, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố số A, thị trấn T, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1985 (vợ anh T) (Có mặt)

Địa chỉ: Ng, xã Ng, Hiệp Hòa, Bắc Giang

- Chị Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1991 (vợ anh H)

Địa chỉ: tổ dân phố số 3 thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Do mối quan hệ quen biết và làm ăn với nhau từ trước nên khi anh Mẫn Xuân H làm ăn và có nhu cầu vay tiền vợ chồng anh đã cho anh H vay tiền nhiều lần. Vì anh H làm nghề kinh doanh xe ô tô cũ mỗi khi vay tiền thì anh H đều viết giấy “Biên nhận vay tiền có tài sản” và gửi lại tài sản là xe ô tô cũ để làm tin. Khi để lại để vay tiền thì có giấy anh H ghi tên xe (Hãng xe) nhưng có giấy anh H lại không ghi là gửi lại xe. Ban đầu anh H

vay tiền xong trả tiền rất đầy đủ. Tuy nhiên, sau đó anh H không trả cho anh nữa. Ngày 29/11/2021 anh và anh H đã chốt lại các mã vay tiền của anh H và ghi rõ cụ thể những mã nợ tiền anh H chưa thanh toán cho anh và hiện tại anh xác nhận anh H vẫn để lại làm tin cho anh một bộ giấy tờ xe và một xe ô tô Kia Morning và anh nhất trí giao trả lại cho anh H. Số tiền nợ cụ thể là:

- Ngày 08/3/2020 anh H vay số tiền là: 160.000.000 đồng;
- Ngày 30/8/2020 anh H vay số tiền là: 150.000.000 đồng;
- Ngày 15/3/2021 anh H vay số tiền là 50.000.000 đồng;
- Ngày 24/3/2021 anh H vay số tiền là 50.000.000 đồng, anh H đã trả cho anh được 20.000.000 đồng, còn nợ lại 30.000.000 đồng;
- Ngày 02/4/2021 anh H vay số tiền là: 100.000.000 đồng;
- Ngày 05/4/2021 anh H vay số tiền là 200.000.000 đồng, anh H đã trả cho anh được 59.000.000 đồng và còn nợ lại 141.000.000 đồng.
- Ngày 10/4/2021 anh H đã vay của anh số tiền nợ là 135.000.000 đồng, anh H gửi cho anh giữ 01 xe Kia morning để làm tin. Hiện nay xe này anh vẫn đang giữ vì anh H chưa thanh toán tiền cho anh;
- Ngày 14/4/2021 anh H vay số tiền là 70.000.000 đồng, anh H gửi cho anh 01 Giấy đăng ký xe để làm tin.
- Ngày 23/7/2021 anh H vay số tiền là 90.000.000 đồng;
- Ngày 18/8/2021 anh H đã vay của anh số tiền nợ là 180.000.000 đồng; anh H đã trả ch anh 60.000.000 đồng và còn nợ lại số tiền 120.000.000 đồng.
- Ngày 24/11/2021 anh H đã vay của anh số tiền nợ là 150.000.000 đồng, Anh H đã trả cho anh được 120.000.000 đồng và còn nợ lại 30.000.000 đồng.
- Ngày 30/8/2020 anh H đã vay của anh số tiền nợ là 150.000.000 đồng, anh H gửi cho anh giữ xe để làm tin. Hiện nay xe anh đã trả cho anh H.

Tại phiên tòa anh xác nhận số nợ và số ngày nợ của các khoản nợ trong đơn khởi kiện trong hai giấy nhận nợ anh đã cung cấp cho Tòa án thì không có gì thay đổi. Tuy nhiên, do anh cộng nhầm nên anh thay đổi số tiền yêu cầu vợ chồng anh H phải có trách nhiệm trả cho anh từ 1.196.000.000đ xuống còn 1.096.000.000đ. Đồng thời anh H cũng thay đổi chốt ngày cho hai khoản nợ là từ ngày 29/11/2021. Anh xác nhận khi anh H nợ tiền anh và gửi xe ô tô cho anh thì hai bên chỉ thỏa thuận với nhau để làm tin chứ không cầm cố gì. Đồng thời, anh cũng xác định chị T vợ anh H có biết việc anh H nợ tiền và để các chiếc xe ô tô ở nH anh, khi anh H không thanh toán đúng hạn cho anh thì anh đã nói chuyện qua điện thoại và nói chuyện trực tiếp với chị T. Chị T có đề nghị anh giao lại xe ô tô cho anh H để anh H bán lấy tiền trả cho anh và anh đã tin chị T nhưng anh H lấy xe xong cũng không trả nợ cho anh, anh H vay tiền của anh về làm kinh tế gia đình nên chị T phải có trách nhiệm trả nợ cùng anh H cho anh. Nay anh H cứ khát nợ mà không thanh toán cho anh nên anh đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa buộc vợ chồng anh Mẫn Xuân H và chị Nguyễn Thị Huyền T phải trả cho anh số tiền: 1.069.000.000đ tiền gốc và tiền lãi 1% từ ngày 29/11/2021.

Bị đơn là anh Mẫn Xuân H trình bày: Anh và anh Nguyễn Văn T có quan hệ quen biết với nhau và anh có nhiều lần vay tiền của anh T để kinh doanh sửa chữa, buôn bán ô tô. Mỗi lần vay tiền anh đều viết giấy nhận nợ và khi anh để lại ô tô của

anh để làm tin cho anh T khi vay tiền thì anh có viết giấy cho anh T. Anh xác nhận anh để lại xe cho anh T để làm tin chứ không phải cầm cố gì, do thời điểm năm 2020 và 2021 có dịch Covid -19 nên công việc làm ăn của anh gặp khó khăn và anh không thanh toán đúng cho anh T các khoản nợ được. Anh T có nhiều lần đòi nợ anh nhưng do khó khăn anh cũng chưa thanh toán cho anh T được. Tại phiên tòa anh T có thay đổi số tiền nợ từ 1.169.000.000đ xuống còn 1.069.000.000đ do anh T tính nhầm thì anh xác định số nợ 1.069.000.000đ đúng là số tiền anh còn nợ anh T. Anh cũng đồng ý với anh T về việc anh T tính khoản nợ trên vào ngày 29/11/2021 và lãi suất như hai bên thỏa thuận trong giấy nhận nợ là 1%/tháng. Tuy nhiên, anh không nhất trí việc anh T yêu cầu chị T phải có trách nhiệm trả nợ cùng anh vì chị T không biết việc làm ăn của anh, việc chị T nhắn tin nói chuyện với anh T chỉ là câu chuyện chứ chị T không tham gia vào việc vay tiền của anh. Đồng thời, anh cũng đề nghị vợ chồng anh T cho anh được trả nợ dần vì anh đang phải làm ăn để phục hồi lại.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Nguyễn Thị C trình bày: chị là vợ của anh T. Chị đã biết lời khai của anh T. Chị đồng ý với lời khai của anh T và đề nghị Tòa án buộc buộc vợ chồng anh Mẫn Xuân H và chị Nguyễn Thị Huyền T phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng chị số tiền nợ gốc là 1.096.000.000 đồng. Chị yêu cầu anh H phải trả tiền lãi cho vợ chồng anh chị theo lãi suất các bên đã thỏa thuận là 1%/tháng. Chị cũng xác định đây là tiền C của vợ chồng chị. Tại phiên tòa anh T và anh H cùng thống nhất lại số tiền nợ gốc là 1.096.000.000 đồng vì các bên cộng nhầm thì chị cũng đồng ý. Chị yêu cầu vợ chồng anh H, chị T phải trả cho vợ chồng chị số tiền nợ là 1.096.000.000 đồng và lãi suất 1%/tháng kể từ ngày 29/11/2021 đến nay.

Chị Nguyễn Thị Huyền T đã được tòa án giao thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng nhưng chị T không gửi văn bản ý kiến của mình lên Tòa án cũng không có mặt tại tòa án nên Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai được.

Ngày 25/9/2022 sau khi Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa. Cán bộ tòa án đã phối hợp với chính quyền địa phương làm việc tại Trụ Sở Phòng khám đa khoa Tâm Anh tại thôn Mỹ Điền 2, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang là nơi làm việc của chị T. Tại thời điểm làm việc chị T trình bày: Chị là vợ của anh Mẫn Xuân H tuy nhiên chị và anh H đã ly thân được 02 năm. Hiện nay chị đang ở nhà bố mẹ chị còn anh H ở riêng. Chị xác định các tin nhắn anh T cung cấp tại Tòa án là do chị dùng số điện thoại có số: 0985393991 và lấy nick zalo Huyền T để nhắn tin với anh T. Việc anh T cung cấp những tin nhắn chị nói chuyện với anh T là vì anh T nói chuyện với chị về chuyện nợ nần giữa anh T với anh H. Nhưng chị chỉ biết vậy chứ chị không biết gì. Chị không phải là người đi vay tiền và không ký vào giấy tờ gì cả. Cuộc nói chuyện giữa chị và anh T chỉ là nói chuyện với nhau. Chị không bao giờ mang xe lên nhà anh T cùng anh H cả. chị xác định chị không vay tiền nên chị không có trách nhiệm trả nợ cùng anh H. Chị cũng xác định cuộc nói chuyện giữa chị với anh T trên zalo chỉ là trao đổi câu chuyện. Hiện nay chị và anh H vẫn chưa ly hôn.

Tòa án đã giao quyết định tạm ngừng phiên tòa cho chị T, tuy nhiên chị T

không nhận, không ký biên bản làm việc và không hợp tác với Tòa án, sự việc đã được xác nhận của bảo vệ cơ quan và Công an thị trấn Nénh.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn là anh T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị C đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; Bị đơn là anh H đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị T không chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án:

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26; 35, 39, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T. Buộc vợ chồng anh Mẫn Xuân H và chị Nguyễn Thị Huyền T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị C số tiền nợ gốc là 1.096.000.000đồng và tiền lãi là 108.869.000đồng. Tổng cả gốc và lãi là: 1.204.869.000 đồng.

Về án phí: Anh H và chị T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm; anh T và chị C không phải chịu án phí DSST; Hoàn trả anh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Đề nghị tuyên quyền kháng cáo cho đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện và tài liệu do các bên xuất trình xác định: Vụ án tranh chấp giữa anh Nguyễn Văn T và anh Mẫn Xuân H được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. anh Mẫn Xuân H và chị Nguyễn Thị Huyền T hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố số A, thị trấn T, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa là có căn cứ.

Về sự có mặt của các đương sự: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 3 nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 227 - Bộ luật tố tụng dân sự để tiếp tục xét xử vụ án là có căn cứ.

[2]. Về nội dung vụ án: Theo như các biên bản làm việc và lời trình bày tại phiên tòa thì giữa vợ chồng anh T và anh Mẫn Xuân H cùng thống nhất số tiền anh H nợ anh T và chị C là 1.069.000.000đ cùng lãi suất là 1%/tháng kể từ ngày 29/11/2021 nên có căn cứ để buộc anh H phải trả vợ chồng anh T số tiền và lãi suất như trên là có căn cứ. Tuy nhiên, có sự mâu thuẫn giữa hai bên về việc anh H không nhất trí việc vợ chồng anh T buộc chị T phải có trách nhiệm liên đới cùng

anh H để trả nợ cho vợ chồng anh T HĐXX nhận thấy: Phía anh T cung cấp cho Tòa án các tin nhắn thể hiện rõ việc chị T có biết việc anh H nợ tiền anh T và chị T có nói anh tạo điều kiện cho anh H làm ăn trả nợ. Chị T khi Tòa án đến làm việc thì chị T có khai nhưng không ký sự việc đã được lập biên bản. Chị T có xác nhận tin nhắn anh T cung cấp là của chị tuy nhiên chỉ là câu chuyện anh T hỏi chị chứ chị không biết tiền nong vay mượn của anh H với anh T như thế nào. Chị không ký vào giấy vay tiền của anh T và chị cũng không nhận tiền vay từ anh T nên chị không biết. Ngoài ra, chị T không đến Tòa án tham gia phiên tòa và không cung cấp chứng cứ gì để chứng minh. Anh H và chị T đều xác nhận anh chị chưa ly hôn, Tòa án đã xác minh và xác định hiện anh H đang mở cửa Hng sửa chữa ô tô tại nH mẹ đẻ của chị T và anh chị vẫn đang sống C tại đây. Hơn nữa, việc chị T xác định chị và anh T trao đổi với nhau chỉ là câu chuyện chứ không biết việc vay mượn hay giao xe như thế nào là không đúng vì trong các cuộc nói chuyện đó chị T có đề cập đến việc nợ tiền của anh H và có biết việc anh H để những chiếc xe ô tô ở nH anh T để vay tiền. Bên cạnh đó, anh H làm nghề sửa chữa ô tô thì cần xác định đây là công việc làm ăn để phát triển kinh tế của gia đình nên việc anh H mắc nợ thì chị T là vợ cần phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng anh H là đúng với quy định về nghĩa vụ vợ chồng. Vì thế, cần buộc chị T phải có trách nhiệm cùng anh H trả nợ cho vợ chồng chị C số tiền gốc là 1.069.000.000đ là có căn cứ.

[3]. Về lãi suất: Tại tài liệu chứng cứ do anh T xuất trình thì lãi suất hai bên thỏa thuận là 1%/tháng. Đồng thời tại phiên tòa anh T và anh H đều thừa nhận mức lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng, căn cứ vào yêu cầu của anh T thì số tiền được tính như sau:

$1.096.000.000 \times 1\%/\text{tháng} \times 9 \text{ tháng } 28 \text{ ngày} = 108.869.000 \text{ đồng.}$

Tổng số tiền vợ chồng anh H phải trả cho vợ chồng anh T là : 1.204.869.000 đồng;

Vợ chồng anh T và chị C phải có nghĩa vụ trả lại vợ chồng anh H 01 xe ô tô Kia Morning và một bộ giấy tờ xe ô tô anh H đã gửi lại nH anh T như xác nhận của anh T.

[3] Về án phí: Vợ chồng anh T không phải chịu án phí DSST; Vợ chồng anh H và chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463; 466; 468; 469 Bộ luật Dân sự; Điều 27; 37 – Luật Hôn nhân gia đình; Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ - UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T;

Buộc vợ chồng anh Mẫn Xuân H và chị Nguyễn Thị Huyền T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị C số tiền: 1.204.869.000 đồng (Một tỷ hai trăm linh bốn triệu, tám trăm sáu mươi chín

ngàn đồng)(Trong đó có 1.096.000.000 đồng tiền nợ gốc và 108.869.000 đồng tiền nợ lãi).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi Hình án xong, bên phải thi Hình án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hình theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Vợ chồng anh Mẫn Xuân H và chị Nguyễn Thị Huyền T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 48.146.000đồng (Bốn mươi tám triệu, Một trăm bốn mươi sáu ngàn đồng).

Hoàn trả anh Nguyễn Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 25.990.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008271 ngày 22/8/2022 của chi Cục Thi Hình án dân sự huyện Hiệp Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi Hình theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hình án dân sự thì người được thi Hình án dân sự, người phải thi Hình án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hình án, quyền yêu cầu thi Hình án, tự nguyện thi Hình án hoặc bị cưỡng chế thi Hình theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi Hình án dân sự, thời hiệu thi Hình án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hình án dân sự.

Báo cho các đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND T. Bắc Giang;
- VKSND H. Hiệp Hòa;
- Chi cục THADS H. Hiệp Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Hương Lan